

Số: 175 /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước quý IV năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 86/QĐ-UB ngày 15/12/2016 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2019;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Quý IV năm 2019 theo thuyết minh và các biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

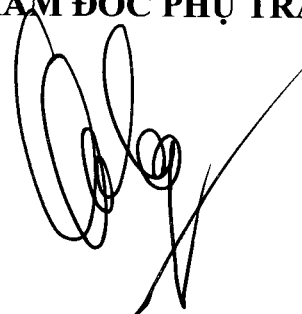
Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Công thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ IV NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện Quý IV/2019	So sánh với dự toán	So sánh với cùng kỳ
A	B	3	2	3=2/1	4,0
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	7.213.500	8.423.183	116,8	108,2
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	6.629.000	7.913.496	119,4	110,1
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	554.500	481.742	86,9	105,9
3	Các khoản thu huy động đóng góp	30.000	27.945	93,2	87,3
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG	10.011.405	10.355.175	103,4	116,0
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (gồm thu để lại chi)	6.079.680	7.328.414	120,5	115,5
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.831.725	3.026.761	79,0	103,0
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.536.730	1.536.730	100,0	100,0
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.294.995	1.490.031	64,9	103,0
3	Thu kết dư	100.000	0	0,0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	0	0,0	
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.120.705	10.042.057	99,2	162,7
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	9.668.073	9.591.480	99,2	162,1
1	Chi đầu tư phát triển	2.988.533	2.779.594	93,0	219,2
2	Chi thường xuyên	6.481.237	6.809.055	105,1	152,8
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0		
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	8.200	1.651	20,1	
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100,0	100,0
6	Dự phòng ngân sách	188.923	0	0,0	0,0
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu	422.632	422.632	100,0	223,6
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	256.342	256.342	100,0	192,7
2	Chi chương trình, mục tiêu sự nghiệp	166.290	166.290	100,0	300,5
V	Chi từ khoản thu quản lý qua ngân sách nhà nước	30.000	27.945	93,2	95,1
D	BỘI THU, BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (+ BỘI CHI, - BỘI THU)	109.300	313.118	286,5	

E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	144.300	67.000	46,4	462,1
1	Vay trong nước	0	0		
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	144.300	67.000	46,4	462,1
F	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	35.000	35.000	100,0	47,1
1	Từ nguồn vay mới để trả nợ gốc	0	0		
2	Bội thu ngân sách địa phương	35.000	35.000	100,0	47,1
3	Tăng thu, tiết kiệm chi	0	0		
4	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0		

Ghi chú: - Chi từ nguồn dự phòng đã được phân bổ chi lên từng sự nghiệp
- Bội thu chủ yếu là nguồn vượt thu tiền sử dụng đất trong năm

THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019
ĐẾN 31/12/2019 (QUÝ IV/2019)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	HĐND tỉnh giao	ĐẾN QUÝ IV THÁNG	So sánh với	
			Dự toán	Cùng kỳ
1	2	3	4=3/2	5
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	7.213.500	8.423.183	116,8	108,2
I- THU NỘI ĐỊA	6.629.000	7.913.496	119,4	110,1
Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xổ số, thu phí tham quan di tích	5.455.000	6.010.264	110,2	111,3
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	220.000	205.211	93,3	105,3
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	205.000	233.174	113,7	104,9
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.100.000	2.344.537	111,6	111,0
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.162.000	1.220.782	105,1	110,9
5. Thuế bảo vệ môi trường	690.000	707.416	102,5	136,7
<i>Trong đó: Thuế xuất nhập khẩu xăng dầu cơ quan Hải quan quản lý</i>	<i>433.320</i>	<i>444.251</i>	<i>102,5</i>	<i>138,4</i>
6. Thuế thu nhập cá nhân	320.000	365.702	114,3	124,2
7. Lệ phí trước bạ	230.000	299.440	130,2	121,3
8. Thu phí, lệ phí	410.000	403.004	98,3	99,0
- Phí, lệ phí cơ quan Trung ương thực hiện thu	36.000	42.323	117,6	94,2
- Phí, lệ phí cơ quan địa phương thực hiện thu	114.000	100.681	88,3	98,6
- Phí tham quan di tích	260.000	260.000	100,0	100,0
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	13.728	124,8	114,4
10. Tiền sử dụng đất	840.000	1.567.572	186,6	120,6
11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	100.000	106.560	106,6	106,6
12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	2.000	5.274	263,7	175,8
13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	67.647	135,3	109,1
- Do Trung ương cấp	39.000	37.731	96,7	107,8
- Do địa phương cấp	11.000	30.200	274,5	111,9
14. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	74.000	75.660	102,2	102,2
15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	22.000	30.526	138,8	122,1
16. Thu khác ngân sách	190.000	239.390	126,0	122,8

Nội dung	HĐND tính giao	ĐẾN QUÝ IV THÁNG	So sánh với	
			Dự toán	Cùng kỳ
1	2	3	4=3/2	5
<i>Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương</i>	71.000	88.688	124,9	118,3
17. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại	3.000	27.873	929,1	111,5
II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	554.500	481.742	86,9	105,9
III - THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	30.000	27.945	93,2	87,3
Thu huy động đóng góp	18.000	27.945	155,3	87,3
Thu viện trợ	12.000	0		

ƯỚC CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ĐẾN 31/12/2019 (QUÝ IV/2019)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019 địa phương	Ước đến quý IV/2019	So với dự toán	So với cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.120.705	10.042.057	99,2	162,7
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.668.073	9.591.480	99,2	162,1
I	Chi đầu tư phát triển	2.988.533	2.779.594	93,0	219,2
1	Vốn đầu tư XDCB tập trung	494.437	469.715	95,0	152,0
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	805.000	944.000	117,3	260,1
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	74.000	74.000	100,0	145,1
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	1.410.796	1.170.879	83,0	222,9
a	Vốn ngoài nước (*)	1.059.978	651.561	61,5	311,4
b	Vốn trong nước	342.090	510.590	149,3	195,6
c	Vốn trái phiếu chính phủ	8.728	8.728	100,0	15,8
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại	144.300	67.000	46,4	335,0
6	Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan di tích	60.000	54.000	90,0	47,0
II	Chi thường xuyên	6.481.237	6.809.055	105,1	152,8
	Trong đó:				
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.832.167	2.923.224	103,2	161,5
4	Chi y tế, dân số và gia đình	674.268	674.787	100,1	190,0
5	Chi khoa học và công nghệ	36.654	38.154	104,1	242,2
6	Chi văn hóa thông tin	87.496	92.496	105,7	228,4
7	Chi phát thanh, truyền hình	29.950	31.252	104,3	126,3
8	Chi thể dục thể thao	29.879	32.879	110,0	145,6

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019 địa phương	Ước đến quý IV/2019	So với dự toán	So với cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
9	Chi bảo đảm xã hội	410.293	435.293	106,1	125,0
10	Chi các sự nghiệp kinh tế	728.683	865.683	118,8	201,4
11	Chi sự nghiệp môi trường	224.273	234.273	104,5	176,1
12	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.241.835	1.281.735	103,2	129,6
13	Chi sự nghiệp khác	35.908	40.098	111,7	61,7
	+ Chi khác ngân sách	25.908	30.098	116,2	49,3
	+ Chi cho hộ nghèo vay giải quyết việc làm	10.000	10.000	100,0	166,7
II	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	8.200	1.651	20,1	0,0
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100,0	100,0
IV	Dự phòng ngân sách	188.923	0	0,0	0,0
B	CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	30.000	27.945	93,2	386,3
1	Thu huy động đóng góp	18.000	27.945	155,3	386,3
2	Thu viện trợ	12.000	-	0,0	0,0
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	422.632	422.632	100,0	223,6
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	256.342	256.342	100,0	192,7
2	Chi mục tiêu sự nghiệp	166.290	166.290	100,0	300,5

Ghi chú: Vốn ngoài nước (*) căn cứ Quyết định giao của TTCP, Bộ Tài chính, HĐND tỉnh đã Quyết định dự toán là 1.059 tỷ đồng, tuy nhiên Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới phân khai 885 tỷ đồng;

